

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **282/2024/DS-PT**

Ngày: 06 – 9 – 2024

V/v: *Yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2024/TLPT-DS ngày 16/7/2024 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/QĐ-HPT ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang D, sinh năm 1960 (có mặt); Địa chỉ: Số 09/20 N, tổ dân phố B, thị trấn E, huyện C1, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Bà Hoàng Thị T (có mặt)

- Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 39 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải H; Địa chỉ: Số 564 V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 (có mặt); Chức vụ: Giám đốc.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (có mặt); Địa chỉ: Số 581/20/15 V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

+ Ông Nguyễn Hải Đ1 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk;

+ Ông Nguyễn Thế Khôi (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện C1, tỉnh Đắk Nông;

+ Ông Đoàn Ngọc L (vắng mặt); Địa chỉ: Số 642 V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Trần Quang D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Quang D trình bày:

Vào ngày 18/02/2023, ông Trần Quang D có điện thoại liên lạc với ông Nguyễn Văn Đ là chủ Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và dịch vụ H để thoả thuận thuê xe cầu của Công ty H để vận chuyển 01 máy đào hiệu DOO SAN 55 và 01 máy ủi D2 từ huyện C2. Cụ thể nội dung thoả thuận qua điện thoại giữa ông D và ông Đ gồm:

1. Nếu vận chuyển 01 máy đào hiệu DOO SAN 55 và 01 máy ủi D2 từ huyện C2 về thị trấn E, huyện C1, tỉnh Đắk Nông với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

2. Nếu vận chuyển 01 máy đào hiệu DOO SAN 55 và 01 máy ủi D2 từ huyện C2 về xã Đ, huyện C1, tỉnh Đắk Nông với giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 19/02/2023, Công ty H đã điều động xe cầu 3 chân; mang biển kiểm soát số 47C-113.09 và cử ông H là tài xế của Công ty H, lái xe cầu nói trên đến tại huyện C2 để thực hiện hợp đồng như 02 bên đã thống nhất.

Khi xe cầu 47C-113.09 cầu chở 02 máy về đến số 09/20 đường N, tổ dân phố B, thị trấn E, huyện C1, tỉnh Đắk Nông, sau khi cầu xuống thì bị trục trặc; do 2 xe máy ông D không vào cổng nhà được; nên ông D yêu cầu ông H là người lái xe điều hành cầu của Công ty H, cầu và chuyển 02 máy về tại xã Đ, huyện C1, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình cầu máy đào hiệu DOO SAN 55 lên xe cầu biển kiểm soát 47C-113.09 để chở về xã Đ, huyện C1, tỉnh Đắk Nông thì xe cầu bị đứt xích, hậu quả máy đào DOO SAN 55 bị rơi từ độ cao khoảng 3,5m xuống đất (tại phiên tòa xác định lại độ cao khoảng 1,8 mét đến 2 mét), bị bể cabin và hư hỏng một số bộ phận khác.

Hậu quả máy bị hư hỏng nặng không sử dụng được là do Công ty H đã phân công người điều khiển xe cầu không đúng chuyên môn, không có kinh nghiệm, không có phụ xe đi cùng nên mới xảy ra hậu quả làm hư hỏng 01 máy đào hiệu DOO SAN 55.

Cũng trong ngày 19/02/2023, ông D, ông Đ và ông H thống nhất sẽ sửa chữa những phần hư hại của máy đào. Đến ngày 24/02/2023, ông Đ cử ông H và ông L xuống sửa chữa nhưng không sửa được. Ngày 26/02/2023, do ông Đ không gọi người khác đến sửa chữa nên ông D gọi người quen của ông D đến sửa và đấu nối hệ thống

điện. Ngày 28/02/2023, ông D lên nhà ông Đ thì ông Đ nói rằng đang bận công việc nên không sửa chữa nữa, vì vậy ông D đi về và để xe máy đào ngoài sân tại xã Đ, huyện C1, tỉnh Đắk Nông, hiện nay ông D đã vận chuyển về chỗ người quen tại cầu 14, tiếp giáp huyện C1, tỉnh Đắk Nông.

Tại đơn khởi kiện, ông D yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ H, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Đ phải bồi thường tạm tính đến hiện nay là 163.500.000 đồng, bao gồm các khoản chi phí sau:

1. Số tiền sửa chữa máy đào hiệu DOO SAN 55: 25.000.000 đồng;
 2. Tiền giảm giá trị máy đào hiệu DOO SAN 55 sau khi bị hư hỏng: 50.000.000 đồng;
 3. Thiệt hại do máy đào hiệu DOO SAN 55 bị hư hỏng không sử dụng được trong 59 ngày (1.500.000 đồng/ ngày); tổng đến nay là 88.500.000 đồng;
- Tổng cộng là 163.000.000 đồng.

Ngày 13/7/2023, ông Trần Quang D bổ sung yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H khởi kiện bồi thường thiệt hại, bao gồm: Tiền thay cabin máy Doosan 55: 25.000.000 đồng; Sửa bình nhót thủy lực + 80 lít nhót thủy lực: 8.000.000 đồng; Thay bình ắc quy: 3.500.000 đồng; Sơn đồng cabin ống thủy lực + hệ thống điện: 4.500.000 đồng; Tiền công: 8.000.000 đồng. Tổng cộng: 49.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, ông Trần Quang D thừa nhận ông Nguyễn Văn Đ đã sửa bình nhót thủy lực + 80 lít nhót thủy lực: 8.000.000 đồng nên xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này, ông Trần Quang D xác định yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường:

1. Tiền thay cabin máy Doosan 55: 25.000.000 đồng; Thay bình ắc quy: 3.500.000 đồng; Sơn đồng cabin ống thủy lực + hệ thống điện: 4.500.000 đồng; Tiền công: 8.000.000 đồng. Tổng cộng: 41.000.000 đồng.
 2. Tiền giảm giá trị máy đào hiệu Doosan 55 hư hỏng 50.000.000 đồng.
 3. Tiền thiệt hại khi cho thuê máy đào là 88.500.000 đồng.
- Tổng số tiền yêu cầu là: 179.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Quang D xác định yêu cầu khởi kiện hiện nay:

1. Tiền thay cabin máy Doosan 55: 25.000.000 đồng; Thay bình ắc quy: 3.500.000 đồng; Sơn đồng cabin ống thủy lực + hệ thống điện: 4.500.000 đồng; Tiền công: 8.000.000 đồng. Tổng cộng: 41.000.000 đồng.
2. Tiền giảm giá trị máy đào hiệu Doosan 55 hư hỏng 50.000.000 đồng.
3. Tiền thiệt hại khi cho thuê máy đào: 01 ngày ông D cho thuê được 1.500.000 đồng, tính thiệt hại từ ngày 19/02/2023 đến ngày khởi kiện ngày 29/5/2024 là 01 năm

03 tháng 10 ngày = 1.500.000 đồng/ngày x (01 năm 03 tháng 10 ngày) = 697.500.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ cho rằng chỉ nứt kính và nứt vỏ, phân bình nhót đã được ông Đ sửa chữa xong nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 18/2/2023, ông Đ - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H gọi điện cho ông H để vận chuyển xe máy đào (mức đất) và máy ủi của ông Trần Quang D. Các bên thỏa thuận vận chuyển xe máy đào (mức đất) và máy ủi từ huyện C2 về huyện C1, tỉnh Đắk Nông, khi đến địa điểm thả xe do đứt dây xích nên gây hư hại nứt kính, nứt ốp nhựa dưới cabin, ngoài ra không còn thiệt hại nào khác. Ông H gọi điện thoại thông báo cho ông Đ về thiệt hại, sau đó ông H về nhà và chở ông Lang – Là thợ sửa chữa xuống để xem và sửa chữa thiệt hại. Tuy nhiên ông Trần Quang D không chịu sửa chữa và đòi cầu xe về Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H để sửa chứ không chịu sửa tại chỗ, nên đến nay các bên chưa thỏa thuận được. Khi bị hư hại thì các bên không lập biên bản về các hư hại, thực tế chỉ nứt kính, nứt ốp nhựa dưới cabin.

Người làm chứng Đoàn Ngọc Lang trình bày:

Khi bị hư hại thì các bên không lập biên bản về các hư hại, thực tế chỉ nứt kính, nứt ốp nhựa dưới cabin, có người làm chứng là ông H - Là Tài xế và người thợ máy tên Lang.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 29/5/2024 của TAND thành phố Buon Ma Thuột, đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H phải bồi thường cho ông Trần Quang D số tiền 41.000.000 đồng, bao gồm:

Tiền thay cabin máy Doosan 55 là 25.000.000 đồng; thay bình ắc quy là 3.500.000 đồng; sơn đồng cabin ống thủy lực + hệ thống điện là 4.500.000 đồng; tiền công là 8.000.000 đồng.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D đối với:

- Tiền giảm giá trị máy đào hiệu Doo San 55 hư hỏng 50.000.000 đồng.
- Tiền thiệt hại khi cho thuê máy đào: 01 ngày ông D cho thuê được 1.500.000 đồng, tính thiệt hại từ ngày 19/02/2023 đến ngày khởi kiện ngày 29/5/2024 là 01 năm 03 tháng 10 ngày = 1.500.000 đồng/ngày x (01 năm 03 tháng 10 ngày) = 697.500.000 đồng.

[3] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện số tiền sửa bình nhớt thủy lực + 80 lít nhớt thủy lực: 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2024, nguyên đơn ông Trần Quang D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Trần Quang D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trợ giúp viên Hoàng Thị Thủy tranh luận:

Bị đơn Công ty H xác định trách nhiệm do đứt dây xích làm hư hỏng máy đào hiệu DOOSAN của nguyên đơn là thuộc về lỗi của bị đơn, nhưng bị đơn lại không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông D là không hợp lý. Qua trao đổi với ông D thì ông D có lúc làm lái máy, có lúc làm phụ máy nên ông D xác định thu nhập bình quân một ngày là 1.500.000 đồng. Mặc dù, ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập từ việc cho thuê máy đào trong một ngày là bao nhiêu nhưng chiếc máy đào này là do ông D mua từ năm 2003, là nguồn thu nhập chính và nguồn kiếm sống của ông nên yêu cầu của ông D là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của ông D.

Nguyên đơn ông Trần Quang D trình bày:

Nhất trí với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Xuyên và bổ sung ý kiến tại trang 4 của Bản án sơ thẩm, ông Đ nói tôi không cho lấy máy về sửa thì cả xưởng ở đó họ đều làm chứng điều này là sai sự thật. Tôi thì không yêu cầu ông Đ sửa máy mà yêu cầu thay cabin, thay nhớt, sơn lại thì đó là nhiều chính đáng. Ông Đ khẳng định đã sửa những khoản này cho tôi nhưng đó là hoàn toàn bị đặt mà chính tôi mới là người thay bình nhớt và đổ nhớt.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ tranh luận:

Máy đào của ông D bị hư hỏng một số bộ phận phần vỏ nhưng vẫn hoạt động bình thường, khi thợ của tôi kiểm tra và sửa chữa xong thì tôi gọi ông D đến nhận xe và trên điện thoại tôi vẫn còn video quay lại việc này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang D; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 29/5/2024 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang D được nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Quang D không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang D thì thấy:

Ông D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn Công ty H bồi thường số tiền còn lại là 747.500.000 đồng, bao gồm thu nhập bị mất do không cho thuê được máy trong thời gian 01 năm 03 tháng 10 ngày, tiền giảm giá trị máy, tiền công của 01 lái máy, 01 phụ máy và tiền tổn thất tinh thần. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh thu nhập từ việc cho thuê máy đào từ trước khi sự việc xảy ra và thu nhập thực tế nguyên đơn bị mất trong thời gian máy đào bị hư hỏng là bao nhiêu. Vì vậy, yêu cầu này của ông D là không có căn cứ chấp nhận.

Ngày 23/7/2024, nguyên đơn có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng bị đơn được khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng trong số tiền bồi thường 49.000.000 đồng là không đúng do ông D chưa sửa chữa bình nhớt thủy lực và đổ 80 lít nhớt. Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải ngày 08/3/2024 (BL số 75) thì ông D đã xác nhận bị đơn đã sửa chữa, khắc phục các khoản này với số tiền là 8.000.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang D là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Quang D là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang D.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tuyên xử:

- Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ H phải bồi thường cho ông Trần Quang D số tiền 41.000.000 đồng (*bốn mươi một triệu đồng*), bao gồm:

Tiền thay cabin máy Doosan 55 là 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*); thay bình ắc quy là 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*); sơn đồng cabin ống thủy lực và hệ thống điện là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*); tiền công là 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*).

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D đối với:

- Tiền giảm giá trị máy đào hiệu Doo San 55 hư hỏng 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

- Tiền thiệt hại khi cho thuê máy đào: 01 ngày ông D cho thuê được 1.500.000 đồng, tính thiệt hại từ ngày 19/02/2023 đến ngày khởi kiện ngày 29/5/2024 là 01 năm 03 tháng 10 ngày = 1.500.000 đồng/ngày x (01 năm 03 tháng 10 ngày) = 697.500.000 đồng (*sáu trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

[3] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện số tiền sửa bình nhót thủy lực + 80 lít nhót thủy lực: 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải H phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*). Ông Trần Quang D được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp, sau khi thu được từ Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải H.

[5] Về án phí:

- Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải H phải chịu 2.050.000 đồng (*hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Quang D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh